BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Giáo dục Tiểu học **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**30**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45				Học tập trung học kì 1 hoặc 2	1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		1
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		1
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		1
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1						4
V. Đại cương chung			**16**						
14	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
15	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
16	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
19	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
20	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**105**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**11**						
21	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
22	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					1
23	GE4071N	Tâm lý học tiểu học	2	30			GE4045		2
24	GE4073N	Giáo dục học Tiểu học	2	30			GE4017		2
25	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					4
26	GE4005	TH Công tác đội TNTP Hồ Chí Minh	1	0	30				5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**25**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**19**						
27	PR4149	Tiếng Việt	3	45					1
28	PR4150	Văn học	3	45					1
29	PR4144N	Cơ sở Toán tiểu học 1	3	45					2
30	PR4116	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	2	15	30				2
31	PR4145N	Cơ sở Toán tiểu học 2	3	45			PR4144N		3
32	PR4251	Cơ sở khoa học Tự nhiên - Xã hội	3	45					3
33	PR4280	Sinh lí học học sinh tiểu học	2	30					3
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (Chọn 3 học phần)			**6**						
34	PR4291	Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán tiểu học	2	30					7
35	PR4123N	Đại lượng và đo đại lượng trong môn Toán tiểu học	2	30					7
36	PR4289	Cơ sở khoa học Tự nhiên nâng cao	2	30					7
37	PR4290	Cơ sở khoa học Xã hội nâng cao	2	30					7
38	PR4125A	Văn học dân gian thiếu nhi	2	30			PR4150		7
39	PR4262	Thi pháp văn học dân gian	2	30			PR4150		7
40	PR4141N	Văn học viết thiếu nhi	2	30			PR4150		7
41	PR4256	Ngữ dụng tiếng Việt	2	30			PR4149		7
42	PR4257	Ngữ pháp tiếng Việt	2	30			PR4149		7
43	PR4258	Phong cách tiếng Việt	2	30			PR4149		7

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	PR4259	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	2	30			PR4149		7
45	PR4120N	Ngữ âm tiếng Việt	2	30			PR4149		7
III. Kiến thức chuyên ngành			**47**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**33**						
46	PR4292	Lí luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	30					2
47	PR4040	Nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	2	30					3
48	PR4240	Lí luận dạy học toán ở tiểu học	3	45			PR4145N		4
49	PR4293	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	2	30			PR4292		4
50	PR4243	Tích hợp trong dạy học ở tiểu học	2	30					4
51	PR4253	Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	30			PR4280		4
52	PR4413	Ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học	2	15	30				4
53	PR4294	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45			PR4293		5
54	PR4252	Dạy học Toán tiểu học theo chủ đề	3	45			PR4240		5
55	PR4114	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	45			PR4253		5
56	PR4154	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	3	45					5
57	PR4281	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2	30					5
58	PR4249	Dạy học giải toán ở tiểu học	2	30			PR4252		6
59	PR4307	Giáo dục STEM ở tiểu học	2	30					6
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**14**						
3.2.1. Nhóm PPDH toán tiểu học (chọn 02 học phần)			**4**						
60	PR4263	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	2	30			PR4252		6
61	PR4264	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học	2	30			PR4252		6
62	PR4265	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh tiểu học	2	30			PR4252		6
63	PR4266	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	2	30			PR4252		6
64	PR4267	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học	2	30			PR4252		6
65	PR4242	Phát triển năng lực dạy học toán tiểu học	2	30			PR4252		6
3.2.2 Nhóm PPDH Tự nhiên - Xã hội (chọn 01 học phần)			**2**						
66	PR4268N	Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	2	30			PR4114		6
67	PR4312	Phát triển năng lực dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	30			PR4114		6
68	PR4295	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học	2	30			PR4114		6
69	PR4296	Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí	2	30			PR4114		6
3.2.3 Nhóm PPDH tiếng Việt (chọn 2 học phần)			**6**						
70	PR4260	Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc	3	45			PR4294		7
71	PR4303	Phương pháp phát triển kĩ năng viết cho học sinh tiểu học	3	45			PR4294		7
72	PR4306	Phương pháp phát triển kĩ năng đọc cho học sinh tiểu học	3	45			PR4294		7
73	PR4304	Phương pháp phát triển kĩ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học	3	45			PR4294		7
74	PR4305	Phương pháp phát triển kĩ năng nghe - nói cho học sinh tiểu học	3	45			PR4294		7
3.2.4. Nhóm bổ trợ (chọn 1 học phần)			**2**						
75	PR4143	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	2	30					6
76	PR4169	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	2	30					6
77	PR4004N	Giáo dục hòa nhập	2	30					6
78	PR4308	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	30					6
79	PR4172	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc	2	15	30				6
80	PR4170	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật	2	15	30				6
81	PR4173	Thể dục và phương pháp dạy học thể dục	2	15	30				6
82	PR4309	Tin học-Công nghệ và phương pháp dạy học Tin học-Công nghệ ở tiểu học	2	15	30				6
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ Sư phạm			**16**						
83	PR4401	Rèn luyện NVSPTX1	1		30		PR4116		4
84	PR4402	Rèn luyện NVSPTX2	2		60		PR4294		6
85	PR4403	Rèn luyện NVSPTX3	2		60		PR4252		6
86	PR4404N	Rèn luyện NVSPTX4	2		60		PR4114		7
87	PR4491N	Kiến tập sư phạm	3		90				7
88	PR4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt ngiệp									

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
89	PR4297N	Khóa luận tốt nghiệp	6		180		PR4040		8
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
5.2.1. Nhóm 1			**6**						
90	PR4270	Phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học	3	45			PR4252		8
91	PR4310	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	3	45			PR4294		8
5.2.2. Nhóm2									
92	PR4271	Một số vấn đề về ngôn bản và dạy học hội thoại ở tiểu học	3	45			PR4294		8
93	PR4311	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi toán tiểu học	3	45			PR4249		8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	**2478**	**1182**				
		Tổng số tín chỉ tích luỹ:	121						
		Tổng số tín chỉ điều kiện:	14						
		Tổng số tín chỉ bắt buộc:	101						
		Tổng số tín chỉ tự chọn:	20						